

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VND	
				Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>		<b>100</b>		<b>7.038.807.392.042</b>	<b>6.163.508.096.185</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>VI.01</b>	<b>2.341.908.739.772</b>	<b>1.751.670.156.184</b>
1.	Tiền	111		2.026.908.739.772	1.451.670.156.184
	<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>			<i>1.389.470.732.189</i>	<i>1.024.748.146.134</i>
2.	Các khoản tương đương tiền	112		315.000.000.000	300.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>	<b>VI.02</b>	<b>2.070.997.167.021</b>	<b>1.972.285.905.012</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		2.118.707.128.316	2.020.376.804.048
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(47.709.961.295)	(48.090.899.036)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>2.604.641.105.696</b>	<b>2.421.558.584.794</b>
1.	Phải thu của khách hàng	131	<b>VI.07</b>	2.321.343.970.114	2.107.173.592.328
2.	Trả trước cho người bán	132	<b>VI.08</b>	6.639.265.135	2.255.075.655
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	<b>VI.07</b>	114.130.038	362.010.103
5.	Các khoản phải thu khác	138	<b>VI.07</b>	304.897.270.673	340.166.436.972
6.	Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư ngắn hạn	139	<b>VI.10</b>	(28.353.530.264)	(28.398.530.264)
				-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>21.260.379.553</b>	<b>17.993.450.195</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.959.774.705	4.760.470.905
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>VI.07</b>	41.990.350	44.439.578
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		13.258.614.498	13.188.539.712



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN ( 200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>2.618.517.862.433</b>	<b>2.390.144.815.553</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.051.026.418.426</b>	<b>941.392.879.465</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	VI.09	1.242.982.019.717	1.124.019.887.995
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219	VI.10	(191.955.601.291)	(182.627.008.530)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>137.071.411.715</b>	<b>139.383.414.286</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.05	17.759.905.617	19.380.118.523
<i>Nguyên giá</i>	222		85.792.255.838	85.471.911.442
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(68.032.350.221)	(66.091.792.919)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.06	119.311.506.098	120.003.295.763
<i>Nguyên giá</i>	228		165.809.685.426	165.239.353.641
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(46.498.179.328)	(45.236.057.878)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.314.649.030.414</b>	<b>1.193.701.659.769</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.02	342.000.000.000	342.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.02	-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	670.871.120.899	648.013.806.679
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		670.871.120.899	648.013.806.679
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	638.617.000.000	538.617.000.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(336.839.090.485)	(334.929.146.910)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>115.771.001.878</b>	<b>115.666.862.033</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.03	1.195.615.316	756.245.245
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.16	88.103.848.352	88.452.941.782
3. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán	263	VI.04	20.000.000.000	19.982.911.796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6.471.538.210	6.474.763.210
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>9.657.325.254.475</b>	<b>8.553.652.911.738</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3.976.861.466.550</b>	<b>3.111.056.469.578</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.476.861.466.550</b>	<b>3.111.056.469.578</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.17	1.468.138.166.530	1.506.127.466.877
2. Phải trả người bán	312		331.969.338	1.119.400.635
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.12	72.259.175.373	71.967.220.419
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.14	53.467.442.784	38.507.993.397
5. Phải trả người lao động	315		3.293.862.273	3.301.862.273
6. Chi phí phải trả	316	VI.11	22.315.886.902	22.665.399.700
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.13	206.686.277.358	254.556.316.042
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.19	1.487.691.319.080	1.096.408.609.677
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.20	74.005.152.150	9.609.207.880
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		7.004.365.160	1.884.039.160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		81.567.358.694	104.908.953.518
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		100.490.908	-
			-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>500.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI.18	500.000.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.680.463.787.925</b>	<b>5.442.596.442.160</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	VI.15	<b>5.680.463.787.925</b>	<b>5.442.596.442.160</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.273.327.990.000	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.374.860.000	342.196.810.218
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(169.884.900)	(54.900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		372.998.887.930	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.004.931.934.895	1.189.451.378.912
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>9.657.325.254.475</b>	<b>8.553.652.911.738</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003		-	-
4. Ngoại tệ các loại	004		-	-
5. Nguồn vốn khấu hao	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		17.000.588.650.000	16.971.498.980.000
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>		<b>13.592.012.040.000</b>	<b>13.385.339.520.000</b>
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		120.097.000.000	89.693.530.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		12.023.176.030.000	11.856.981.100.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.448.739.010.000	1.438.664.890.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
<b>6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>		<b>195.127.250.000</b>	<b>305.421.250.000</b>
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		185.256.450.000	295.550.450.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		9.870.800.000	9.870.800.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
<b>6.3 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>017</b>		<b>2.646.722.100.000</b>	<b>2.519.004.810.000</b>
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		92.335.010.000	92.335.010.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		2.554.387.090.000	2.426.669.800.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
<b>6.4 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>022</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
<b>6.5 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>		<b>497.979.720.000</b>	<b>741.167.730.000</b>
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		1.384.500.000	301.000.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		488.307.120.000	735.731.330.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		8.288.100.000	5.135.400.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
<b>6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	<b>032</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
<b>6.7 Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>		<b>68.747.540.000</b>	<b>20.565.670.000</b>
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		47.594.740.000	20.309.180.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		21.152.800.000	256.490.000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

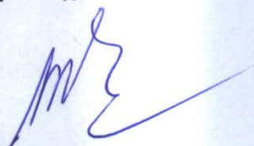


**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 1		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
2	3	4	5	6	7		
1	<b>Doanh thu</b>	01		365.094.113.031	382.664.766.590	365.094.113.031	382.664.766.590
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		62.059.832.424	76.404.941.442	62.059.832.424	76.404.941.442
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.21	167.932.109.832	224.782.827.364	167.932.109.832	224.782.827.364
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		174.791.725	42.873.288	174.791.725	42.873.288
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		8.922.545.514	2.254.067.605	8.922.545.514	2.254.067.605
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.632.658.128	1.344.093.020	1.632.658.128	1.344.093.020
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		186.692.672	186.632.671	186.692.672	186.632.671
	Doanh thu khác	01.9	VI.22	124.185.482.736	77.649.331.200	124.185.482.736	77.649.331.200
2	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	02		900.642.449	-	900.642.449	-
3	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	10		364.193.470.582	382.664.766.590	364.193.470.582	382.664.766.590
4	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	11	VI.23	131.432.640.852	77.910.614.445	131.432.640.852	77.910.614.445
	<i>Trong đó:</i>						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		120.575.042.257	110.276.561.395	120.575.042.257	110.276.561.395
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2		10.857.598.595	(32.365.946.950)	10.857.598.595	(32.365.946.950)
5	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (10=01-11)</b>	20		232.760.829.730	304.754.152.145	232.760.829.730	304.754.152.145
6	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	25	VI.24	2.737.648.589	3.014.655.161	2.737.648.589	3.014.655.161
7	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	30		230.023.181.141	301.739.496.984	230.023.181.141	301.739.496.984
8	<b>Thu nhập khác</b>	31		384.909.109	1.225.537.935	384.909.109	1.225.537.935
9	<b>Chi phí khác</b>	32		2.388.568	600.019	2.388.568	600.019
10	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40	VI.25	382.520.541	1.224.937.916	382.520.541	1.224.937.916
11	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		230.405.701.682	302.964.434.900	230.405.701.682	302.964.434.900
12	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	51		44.278.917.866	57.966.453.503	44.278.917.866	57.966.453.503
13	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	52		557.009.200	291.637.160	557.009.200	291.637.160
14	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	60		185.569.774.616	244.706.344.237	185.569.774.616	244.706.344.237
15	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70		-	-	-	-

Người Lập Biểu



Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2015

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Đây	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>230.405.701.682</b>	<b>302.964.434.900</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.234.241.850	2.879.091.925
- Các khoản lập dự phòng	03	10.812.598.595	(32.365.946.950)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(11.964.107.953)	(119.839.619.564)
- Chi phí lãi vay	06	20.504.774.652	1.317.329.115
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>252.993.208.826</b>	<b>154.955.289.426</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(299.501.691.588)	(853.382.987.179)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	351.669.675.732	(525.663.553.139)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	387.519.474.139	1.646.095.761.400
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(3.638.673.871)	(3.416.247.177)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.300.352.386)	(1.339.120.595)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.150.296.749)	(25.885.566.623)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.225.000	20.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(23.345.739.824)	(23.960.704.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>640.248.829.279</b>	<b>367.422.871.813</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(947.246.079)	(766.604.075)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	545.455	1.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(567.096.250.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.761.064.220)	(2.170.741.780)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	173.130.570.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.410.039.500	11.809.861.100
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(564.393.975.344)</b>	<b>182.004.085.245</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu Quý 1 năm 2015	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	735.378.570.000	-	4.273.327.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		342.196.810.218	29.423.360.000	342.245.310.218	29.374.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(54.900)	(169.830.000)	-	(169.884.900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		372.998.887.930	-	-	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.189.451.378.912	185.777.690.386	370.297.134.403	1.004.931.934.895
<b>Cộng</b>		<b>5.442.596.442.160</b>	<b>950.409.790.386</b>	<b>712.542.444.621</b>	<b>5.680.463.787.925</b>

Trực đối chiếu số dư NĐT và ngày	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Chỉ tiêu Q1 năm 2014</b>					
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	-	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		344.944.356.378	-	-	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.317.760)	-	-	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		335.813.119.252	-	-	335.813.119.252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		866.129.290.773	244.706.344.237	190.160.071	1.110.645.474.939
<b>Cộng</b>		<b>4.995.589.868.643</b>	<b>244.706.344.237</b>	<b>190.160.071</b>	<b>5.240.106.052.809</b>

Người Lập Biểu

Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2015

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 01 năm 2015 (chưa hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Tổng số nhân viên** : 509
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Giải thích chênh lệch lợi nhuận quý 1/2015 với quý 1/2014: kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế quý 1/2015 của Công ty lãi 185.569.774.616 đồng, giảm 24% (tương ứng 59.136.569.621 đồng) so với cùng kỳ quý 1/2014 chủ yếu do trong quý 1/2015 hiệu quả hoạt động đầu tư của Công ty thấp hơn so với cùng kỳ năm 2014 .

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:
  - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
  - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
  - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
  - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

### 3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## 5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

## 6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

## 7. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

### Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

### Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 03 năm 2015.

## 8. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **9. Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

### **10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **12. Cổ phiếu ngân quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### **13. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

### **14. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

## **15. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

## **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN QUÍ 1 NĂM 2015****1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***Đơn vị tính: VND*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
<b>Quý 1 năm 2015</b>					
1. Doanh thu trực tiếp	136.192.701.957	167.932.109.832	53.119.857.305	6.948.801.488	364.193.470.582
2. Các chi phí trực tiếp	43.937.594.622	26.124.591.622	29.842.641.159	2.485.489.331	102.390.316.735
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	17.677.971.220	4.668.952.244	4.031.918.621	5.018.610.081	31.397.452.165
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>74.577.136.115</b>	<b>137.138.565.965</b>	<b>19.245.297.526</b>	<b>(555.297.924)</b>	<b>230.405.701.682</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015</b>					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	3.679.297.524.255	2.694.412.968.919	2.381.468.918.484	2.414.016.587	8.757.593.428.245
2. Tài sản bộ phận phân bổ	144.825.609.999	8.469.333.918	2.117.333.480	10.586.667.398	165.998.944.794
3. Tài sản không phân bổ					733.732.881.436
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.824.123.134.254</b>	<b>2.702.882.302.837</b>	<b>2.383.586.251.964</b>	<b>13.000.683.985</b>	<b>9.657.325.254.475</b>
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.566.941.322.087	75.480.763.330	2.177.012.752.747	7.176.953.750	3.826.611.791.914
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	74.315.462.659	4.345.933.489	1.086.483.372	5.432.416.861	85.180.296.381
3. Nợ phải trả không phân bổ					65.069.378.255
<b>Tổng công nợ</b>	<b>1.641.256.784.746</b>	<b>79.826.696.819</b>	<b>2.178.099.236.119</b>	<b>12.609.370.611</b>	<b>3.976.861.466.550</b>

**2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:**

Hoạt động của Công ty mẹ chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	107.125.822	173.468.197
Tiền gửi ngân hàng	2.026.801.613.950	1.451.496.687.987
<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.389.470.732.189</i>	<i>1.024.748.146.134</i>
Các khoản tương đương tiền	315.000.000.000	300.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.341.908.739.772</b>	<b>1.751.670.156.184</b>

- Trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, có 30 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015</b>				
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>9.071.685</b>	<b>204.707.128.316</b>	<b>(47.709.961.295)</b>	<b>156.997.167.021</b>
Cổ phiếu Niêm yết	6.491.369	146.658.685.787	(933.690.625)	145.724.995.163
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	2.580.315	58.048.342.529	(46.776.270.670)	11.272.071.859
Trái phiếu	1	100.000	-	100.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>1.914.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.914.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.914.000.000.000	-	1.914.000.000.000
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>23.284.080</b>	<b>670.871.120.899</b>	<b>(39.096.090.485)</b>	<b>631.775.030.414</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	23.284.080	670.871.120.899	(39.096.090.485)	631.775.030.414
- Cổ phiếu Niêm yết	17.422.738	380.828.415.062	(4.790.775.561)	376.037.639.501
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.661.342	75.884.487.174	(34.305.314.924)	41.579.172.250
- Trái phiếu	2.200.000	214.158.218.663	-	214.158.218.663
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn</b>	<b>-</b>	<b>342.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>342.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
<b>Đầu tư tài chính khác</b>	<b>11.766.999</b>	<b>638.617.000.000</b>	<b>(297.743.000.000)</b>	<b>340.874.000.000</b>
<b>Đầu tư chứng khoán dài hạn khác</b>	<b>11.766.999</b>	<b>538.617.000.000</b>	<b>(297.743.000.000)</b>	<b>240.874.000.000</b>
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	(297.743.000.000)	225.874.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>6.050.833</b>	<b>124.376.804.048</b>	<b>(48.090.899.036)</b>	<b>76.285.905.012</b>
Cổ phiếu Niêm yết	3.470.364	66.326.384.750	(1.314.628.366)	65.011.756.384
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	2.580.468	58.050.319.298	(46.776.270.670)	11.274.048.628
Trái phiếu	1	100.000	-	100.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>1.896.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.896.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.896.000.000.000	-	1.896.000.000.000
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>22.995.596</b>	<b>648.013.806.679</b>	<b>(37.186.146.910)</b>	<b>610.827.659.769</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	22.995.596	648.013.806.679	(37.186.146.910)	610.827.659.769
- Cổ phiếu Niêm yết	17.284.254	375.067.350.845	(2.809.270.106)	372.258.080.739
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.661.342	75.884.487.171	(34.376.876.804)	41.507.610.367
- Trái phiếu	2.050.000	197.061.968.663	-	197.061.968.663
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn</b>	<b>-</b>	<b>342.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>342.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
<b>Đầu tư tài chính khác</b>	<b>11.766.999</b>	<b>538.617.000.000</b>	<b>(297.743.000.000)</b>	<b>240.874.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	(297.743.000.000)	240.874.000.000
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	(297.743.000.000)	225.874.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000

- Trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, có 1.316 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 598 tỷ đồng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.
- Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.
- Trong số cổ phiếu niêm yết của chứng khoán sẵn sàng để bán tại ngày 31/03/2015, có 9.233.501 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 92.335.010.000 đồng đã là tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****- Chi tiết dự phòng Đầu tư Chứng khoán ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015</b>				
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>4.712.654</b>	<b>87.794.305.721</b>	<b>(47.709.961.295)</b>	<b>40.084.344.426</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
VSC	213.293	10.847.554.144	(76.257.643)	10.771.296.501
E1SSH30	1.921.500	18.919.532.982	(857.432.982)	18.062.100.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>2.134.793</b>	<b>29.767.087.126</b>	<b>(933.690.625)</b>	<b>28.833.396.501</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.125.524.841)	2.057.205.159
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Phân Lân Văn Điển	1.420.400	35.488.291.962	(28.386.291.962)	7.102.000.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(4.231.809)	113.488.766
Công ty CP Bá Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP đầu tư Kim Tụ Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>2.577.861</b>	<b>58.027.218.595</b>	<b>(46.776.270.670)</b>	<b>11.250.947.925</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>				
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>4.562.653</b>	<b>78.185.904.958</b>	<b>(48.090.899.036)</b>	<b>30.095.005.922</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
SVC	6.752	127.098.826	(19.066.827)	108.031.999
PVS	8.140	332.587.537	(113.621.539)	218.965.998
E1SSH30	1.969.900	19.699.000.000	(1.181.940.000)	18.517.060.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>1.984.792</b>	<b>20.158.686.363</b>	<b>(1.314.628.366)</b>	<b>18.844.057.997</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.125.524.841)	2.057.205.159
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Phân Lân Văn Điển	1.420.400	35.488.291.962	(28.386.291.962)	7.102.000.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(4.231.809)	113.488.766
Công ty CP Bá Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP đầu tư Kim Tụ Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>2.577.861</b>	<b>58.027.218.595</b>	<b>(46.776.270.670)</b>	<b>11.250.947.925</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****- Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn**

Chi tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>5.484.418</b>	<b>117.023.300.735</b>	<b>(39.096.090.485)</b>	<b>77.927.210.250</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
LAF	771.092	10.932.011.866	(213.833.066)	10.718.178.800
GIL	785.546	25.399.595.055	(4.032.743.855)	21.366.851.200
ELC	266.438	4.807.206.640	(544.198.640)	4.263.008.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>1.823.076</b>	<b>41.138.813.561</b>	<b>(4.790.775.561)</b>	<b>36.348.038.000</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(3.709.911.074)	7.614.761.700
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Cty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(6.783.000.000)	16.422.000.000
- Quỹ Đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SSI	742.574	7.500.000.000	(139.262.450)	7.360.737.550
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(4.999.995.000)	6.999.993.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.661.342</b>	<b>75.884.487.174</b>	<b>(34.305.314.924)</b>	<b>41.579.172.250</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>4.698.872</b>	<b>91.623.705.680</b>	<b>(37.186.146.910)</b>	<b>54.437.558.770</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
LAF	771.092	10.932.011.866	(1.678.907.866)	9.253.104.000
ELC	266.438	4.807.206.640	(1.130.362.240)	3.676.844.400
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>1.037.530</b>	<b>15.739.218.506</b>	<b>(2.809.270.106)</b>	<b>12.929.948.400</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(3.709.911.074)	7.614.761.700
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Cty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(6.783.000.000)	16.422.000.000
- Quỹ Đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SSI	742.574	7.500.000.000	(210.824.330)	7.289.175.670
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(4.999.995.000)	6.999.993.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.661.342</b>	<b>75.884.487.174</b>	<b>(34.376.876.804)</b>	<b>41.507.610.370</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.195.615.316	756.245.245
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.195.615.316</b>	<b>756.245.245</b>

**4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)**

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.960.535.062
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.039.464.938
<b>Tổng Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	68.196.998.519	14.504.261.403	161.260.000	85.471.911.442
Tăng trong kỳ	-	351.907.494	-	-	351.907.494
Mua trong kỳ	-	351.907.494	-	-	351.907.494
Giảm trong năm	-	(31.563.098)	-	-	(31.563.098)
Bán thanh lý	-	(31.563.098)	-	-	(31.563.098)
Ngày 31 tháng 03 năm 2015	2.609.391.520	68.517.342.915	14.504.261.403	161.260.000	85.792.255.838
<b>Giá trị hao mòn:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	55.157.869.212	8.263.775.521	60.756.666	66.091.792.919
Tăng trong kỳ	-	1.588.214.000	372.726.735	11.179.665	1.972.120.400
Khấu hao	-	1.588.214.000	372.726.735	11.179.665	1.972.120.400
Giảm trong kỳ	-	(31.563.098)	-	-	(31.563.098)
Bán thanh lý	-	(31.563.098)	-	-	(31.563.098)
Ngày 31 tháng 03 năm 2015	2.609.391.520	56.714.520.114	8.636.502.256	71.936.331	68.032.350.221
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	13.039.129.307	6.240.485.882	100.503.334	19.380.118.523
Ngày 31 tháng 03 năm 2015	-	11.802.822.801	5.867.759.147	89.323.669	17.759.905.617

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	49.259.862.204	109.671.558.000	6.307.933.437	165.239.353.641
Tăng trong kỳ	523.277.382	-	47.054.403	570.331.785
<i>Mua mới</i>	523.277.382	-	47.054.403	570.331.785
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2015	49.783.139.586	109.671.558.000	6.354.987.840	165.809.685.426
				-
<b>Hao mòn lũy kế:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	43.166.340.019	-	2.069.717.859	45.236.057.878
Tăng trong kỳ	1.014.009.666	-	248.111.784	1.262.121.450
<i>Khấu hao</i>	1.014.009.666	-	248.111.784	1.262.121.450
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2015	44.180.349.685	-	2.317.829.643	46.498.179.328
				-
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.093.522.185	109.671.558.000	4.238.215.578	120.003.295.763
Ngày 31 tháng 03 năm 2015	5.602.789.901	109.671.558.000	4.037.158.197	119.311.506.098

**7. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>1. Phải thu khách hàng</b>	<b>2.321.343.970.114</b>	<b>2.107.173.592.328</b>
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ ký quỹ	2.231.540.695.008	2.003.553.536.747
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	35.607.652.526	97.679.567.228
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán khác	47.115.000.000	
- Phải thu phí tư vấn	3.805.736.037	2.904.869.361
- Phải thu khác	3.274.886.543	3.035.618.992
<b>2. Phải thu hoạt động giao dịch CK</b>	<b>114.130.038</b>	<b>362.010.103</b>
- Phải thu sở giao dịch	-	260.170.000
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	114.130.038	101.840.103
<b>3. Thuế GTGT khấu trừ</b>	<b>41.990.350</b>	<b>44.439.578</b>
<b>4. Phải thu khác</b>	<b>304.897.270.673</b>	<b>340.166.436.972</b>
- Phải thu tổ chức phát hành – cổ tức, trái tức	18.865.172.532	16.311.647.807
- Số dư Danh mục ủy thác đầu tư ngắn hạn tại SSIAM	277.305.143.770	314.295.199.721
- Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi ngân hàng	5.287.159.581	6.412.282.961
- Phải thu khác	3.439.794.790	3.147.306.483

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ):**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	6.639.265.135	2.255.075.655

**9. Phải thu dài hạn khác (đơn vị tính: VNĐ):**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số dư Danh mục ủy thác đầu tư dài hạn tại SSIAM	1.242.982.019.717	1.124.019.887.995
<b>Cộng</b>	<b>1.242.982.019.717</b>	<b>1.124.019.887.995</b>

**10. Dự phòng các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác ngắn hạn	(25.517.887.029)	(25.562.887.029)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác dài hạn	(191.955.601.291)	182.627.008.530)
- Dự phòng phải thu khó đòi khác	(2.835.643.235)	(2.835.643.235)
<b>Cộng</b>	<b>(220.309.131.555)</b>	<b>(211.025.538.794)</b>

**11. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK	4.748.704.539	5.198.754.935
Lãi trái phiếu	8.086.111.112	
Phải trả SSIAM tiền phí quản lý danh mục	2.704.116.382	10.455.347.727
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	432.578.824	1.890.738.020
Lãi vay tổ chức tín dụng	1.776.697.787	658.386.630
Phí dịch vụ	-	404.000.000
Chi phí phải trả khác	4.567.678.258	4.058.172.388
<b>Tổng Cộng</b>	<b>22.315.886.902</b>	<b>22.665.399.700</b>

**12. Người mua trả tiền trước (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	7.249.775.373	6.957.820.419
- Ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	65.009.400.000	65.009.400.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>72.259.175.373</b>	<b>71.967.220.419</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	56.335.840	34.160.840
Phải trả hợp đồng mua bán lại trái phiếu	-	164.000.000.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	24.943.229	24.943.229
Phải trả công ty con SSIAM	5.828.250.000	1.973.000.000
Phải trả khách hàng – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	197.861.101.333	85.126.479.812
Các khoản khác	2.915.646.956	3.397.732.161
<b>Tổng Cộng</b>	<b>206.686.277.358</b>	<b>254.556.316.042</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	706.950.717	766.442.893
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	44.278.917.866	13.866.922.128
Thuế Thu nhập cá nhân	595.928.526	4.239.382.498
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	5.523.897.798	15.215.147.616
Các loại thuế khác	2.361.747.877	4.420.098.262
<b>Cộng</b>	<b>53.467.442.784</b>	<b>38.507.993.397</b>

**Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành Q1 năm 2015: (đơn vị tính: VNĐ)**

<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>230.405.701.682</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(26.606.033.200)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2014	(402.058.826.278)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.03.2015 chưa khấu trừ thuế	399.526.966.278
- Chi phí không khấu trừ thuế	-
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 22%	201.267.808.482
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp lũy kế đến 31.03.2015</i>	<b>44.278.917.866</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)****15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>3.537.949.420.000</b>	<b>342.196.810.218</b>	<b>(54.900)</b>	<b>372.998.887.930</b>	<b>1.189.451.378.912</b>	<b>5.442.596.442.160</b>
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo Nghị Quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011 và Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2014	23.168.000.000	29.423.360.000				52.591.360.000
Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị Quyết 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/12/2014 và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐQT ngày 13/1/2015 (*)	712.210.570.000	(342.196.810.218)			(370.013.759.782)	-
Chi phí phát sinh khi tăng vốn		(48.500.000)				(48.500.000)
Lợi nhuận sau thuế đến 31 tháng 03 năm 2015					185.569.774.616	185.569.774.616
Điều chỉnh lại thuế TNDN hiện hành theo quyết toán thuế năm 2014					(283.374.621)	(283.374.621)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hoãn lại theo quyết toán thuế năm 2014					207.915.770	207.915.770
Mua Cổ phiếu Quỹ	-	-	(169.830.000)	-		(169.830.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015</b>	<b>4.273.327.990.000</b>	<b>29.374.860.000</b>	<b>(169.884.900)</b>	<b>372.998.887.930</b>	<b>1.004.931.934.895</b>	<b>5.680.463.787.925</b>

(\*) Công ty đang thực hiện thủ tục tăng vốn, niêm yết bổ sung, lưu ký bổ sung cho phần cổ phiếu 20% phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****15.2 Cổ phiếu**

	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>427.332.799</b>	<b>353.794.942</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>427.332.799</b>	<b>353.794.942</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	427.332.799	353.794.942
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	427.332.799	353.794.942
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>(6.292)</b>	<b>(2)</b>
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(6.292)	(2)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(6.292)	(2)
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>427.326.507</b>	<b>353.794.940</b>
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	427.326.507	353.794.940

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Tài sản thuế TNDN hoãn lại (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	88.103.848.352	88.452.941.782
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.103.848.352</b>	<b>88.452.941.782</b>

**17. Vay và Nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – vay thấu chi	172.682.401.600	387.823.413.353
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – vay thấu chi	-	161.837.457.364
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – vay thấu chi	49.794.603.114	154.033.358
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – vay thấu chi	685.785.808.609	526.357.360.661
Ngân hàng Quốc tế - vay thấu chi	-	199.955.202.141
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia- vay thấu chi	43.875.353.207	-
Ngân hàng Quốc tế - vay ngắn hạn	200.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – vay ngắn hạn	316.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - vay ngắn hạn	-	230.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.468.138.166.530</b>	<b>1.506.127.466.877</b>

Tỷ lệ lãi suất áp dụng cho các khoản vay thấu chi tại các ngân hàng dao động từ 1.5% đến 8.05%/năm.

Chi tiết:

Số đầu năm	1.506.127.466.877
Phát sinh tăng	5.103.341.049.185
Phát sinh giảm	5.141.330.349.532
Số cuối kỳ	1.468.138.166.530

**18. Vay và Nợ dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trái phiếu SSIBOND012015	500.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>-</b>

Trái phiếu SSIBOND012015 phát hành đợt 1 vào tháng 1/2015 theo Nghị Quyết số 02/2014/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/12/2014 với số lượng 1.000 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu, không có tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm có cam kết mua lại 6 tháng một lần với lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 8.2%/năm và được điều chỉnh lại năm tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.314.429.402.580	944.143.998.877
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	167.502.396.500	152.264.610.800
Phải trả Sở GDCK HCM	5.759.520.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.487.691.319.080</b>	<b>1.096.408.609.677</b>

**20. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông của SSI	4.727.253.750	4.727.253.750
Phải trả lãi trái phiếu cho trái chủ của SSI	718.097.161	718.097.161
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	68.559.801.239	4.163.856.969
<b>Tổng Cộng</b>	<b>74.005.152.150</b>	<b>9.609.207.880</b>

**21. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 1-2015	Quý 1- 2014
Cổ tức	26.606.033.200	38.154.931.884
Trái tức	5.248.779.125	16.529.671.234
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	7.528.683.129	134.569.025.947
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	128.548.614.378	33.538.798.299
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	-	1.990.400.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>167.932.109.832</b>	<b>224.782.827.364</b>

**22. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 1-2015	Quý 1- 2014
Lãi tiền gửi	47.263.970.693	38.706.027.114
Doanh thu phí ứng trước	2.586.712.574	2.821.789.446
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	67.726.821.378	35.690.967.982
Doanh thu khác	6.607.978.091	430.546.658
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.185.482.736</b>	<b>77.649.331.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****23. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Quý 1-2015</b>	<b>Quý 1- 2014</b>
Chi phí môi giới chứng khoán	16.027.553.591	18.193.463.473
Chi phí tự doanh chứng khoán	8.855.159.160	6.409.613.692
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	55.000.000	-
Chi phí hoạt động tư vấn	5.992.305.007	111.046.765
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	10.857.598.595	(32.365.946.950)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	29.074.925.962	15.578.251.562
<i>Trả lãi nhà đầu tư</i>	<i>1.351.041.934</i>	<i>3.209.078.824</i>
<i>Trả lãi tiền vay</i>	<i>12.418.663.540</i>	<i>1.317.329.115</i>
<i>Trả lãi Trái phiếu</i>	<i>8.086.111.112</i>	
<i>Chi phí khác</i>	<i>7.219.109.376</i>	<i>11.051.843.623</i>
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	60.570.098.537	69.984.185.903
<i>Chi phí lương</i>	<i>34.503.804.891</i>	<i>43.418.368.265</i>
<i>Chi phí bảo hiểm các loại theo lương</i>	<i>2.552.673.600</i>	<i>1.862.403.929</i>
<i>Chi phí đào tạo, chi phí nhân viên khác</i>	<i>489.422.499</i>	<i>4.311.019.413</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>2.252.339.421</i>	<i>1.228.940.847</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>3.028.370.528</i>	<i>2.673.220.603</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>7.586.194.044</i>	<i>6.131.653.278</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>8.646.625.273</i>	<i>10.265.605.655</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>1.510.668.281</i>	<i>92.973.913</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>131.432.640.852</b>	<b>77.910.614.445</b>

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Quý 1-2015</b>	<b>Quý 1- 2014</b>
Chi phí nhân viên	2.576.777.267	2.808.783.839
Chi phí khấu hao và phân bổ	205.871.322	205.871.322
Chi phí dự phòng	(45.000.000)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.737.648.589</b>	<b>3.014.655.161</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****25. Lợi nhuận khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Quý 1-2015</b>	<b>Quý 1- 2014</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	4.181.823	1.000.000
Thu nhập từ lãi phạt/bỏ cọc thực hiện hợp đồng	-	1.203.736.111
Thu nhập khác	380.727.286	20.801.824
<b>Tổng cộng</b>	<b>384.909.109</b>	<b>1.225.537.935</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	2.388.568	600.019
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.388.568</b>	<b>600.019</b>
	<b>382.520.541</b>	<b>1.224.937.916</b>

**26. Nghiệp vụ với các bên có liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN) và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN , Phó Tổng Giám đốc Công ty PAN là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch thành viên Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một Thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch SSI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày như sau:**

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>				<i>Doanh thu/ (chi phí)</i> VNĐ
		<i>Số đầu kỳ</i> VNĐ	<i>Tăng trong kỳ</i> VNĐ	<i>Giảm trong kỳ</i> VNĐ	<i>Số cuối kỳ</i> VNĐ	
Quý Đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000	-
	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán	-	453.431.481	(453.431.481)	-	453.431.481
	Tiền thuê mặt bằng	-	(4.660.935.125)	4.660.935.125	-	(3.274.925.503)
	Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000	-	-	10.800.702.000	-
	Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	270.017.551	-	270.017.551	270.017.551
	Phải thu ký quỹ	275.064.403	160.931.897.084	(61.691.125.412)	99.515.836.075	-
	Ứng trước hợp đồng môi giới trái phiếu	-	142.500.000.000	(142.500.000.000)	-	-
	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000
	Mua trái phiếu	-	(150.000.000.000)	-	(150.000.000.000)	-
	Lãi trái phiếu	-	(2.425.833.334)	-	(2.425.833.334)	(2.425.833.334)
	Phí ký quỹ	-	1.161.594.458	(1.161.594.458)	-	1.161.594.458
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán	-	534.892.015	(534.892.015)	-	534.892.015
	Phí dịch vụ	-	1.231.432.499	(1.231.432.499)	-	1.119.484.090
Công ty TNHH Sài Gòn Đan Linh	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán	-	41.197.736	(41.197.736)	-	41.197.736
	Phí dịch vụ	-	3.135.444.445	(3.135.444.445)	-	2.850.404.041

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>				<i>Doanh thu/ (chi phí) VNĐ</i>
		<i>Số đầu kỳ VNĐ</i>	<i>Tăng trong kỳ VNĐ</i>	<i>Giảm trong kỳ VNĐ</i>	<i>Số cuối kỳ VNĐ</i>	
Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình và các công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán	-	28.426.160	(28.426.160)	-	28.426.160
	Phí hợp đồng tư vấn	65.000.000	1.755.000.000	(65.000.000)	1.755.000.000	1.750.000.000
	Ứng mua chứng khoán	(50.100.000.000)	-	-	(50.100.000.000)	-
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	(326.744.981)	149.700.773	(177.044.208)	(326.744.981)
	Nhận cọc môi giới chứng khoán	(85.126.479.812)	(1.699.537.045.320)	1.586.802.423.799	(197.861.101.333)	-
	Lãi nhận cọc phải trả	(191.591.866)	(5.107.732.859)	4.866.745.901	(432.578.824)	(5.107.732.859)
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-
	Phí giao dịch chứng khoán	-	518.286.690	(518.286.690)	-	518.286.690
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	1.438.315.087.716	538.677.152.551	(456.705.076.780)	1.520.287.163.487	148.063.684.106
	Phí đại lý phát hành	-	122.145.072	(122.145.072)	-	111.040.975
	Phí quản lý danh mục	(10.455.347.727)	(8.340.376.990)	16.091.608.335	(2.704.116.382)	(8.340.376.990)
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	(1.995.157.973)	(5.992.305.007)	5.979.736.032	(2.007.726.948)	(5.992.305.007)	
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán	-	146.439.444	(146.439.444)	-	146.439.444
	Phí dịch vụ	-	1.457.011.111	(1.457.011.111)	-	1.324.555.555
	Phí ký quỹ	-	8.124.609	(8.124.609)	-	8.124.609
	Phải thu giao dịch ký quỹ	818.336.672	7.908.600.566	(6.842.824.370)	1.884.112.868	-
Các đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu	-	(50.000.000.000)	-	(50.000.000.000)	-
	Lãi trái phiếu	-	(808.611.112)	-	(808.611.112)	(808.611.112)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Các giao dịch với các bên liên quan khác :**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 1/2015 là 4.547.000.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

### **27. Thuyết minh bổ sung**

Tại ngày 31.03.2015, tỷ lệ sở hữu (biểu quyết) của phần tự doanh công ty và phần ủy thác tại công ty con SSIAM trên số lượng cổ phiếu lưu hành của các mã cổ phiếu như sau:

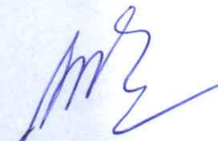
Số TT	Mã cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (biểu quyết)
1	GIL	19.98%
2	LAF	19.92%
3	PAN	19.70%
4	TMS	19.98%
5	VFG	19.98%
6	SSC	19.89%
7	ELC	19.99%
8	PDN	19.98%

Lợi nhuận trước thuế Quý 1/2015 của Công ty là 230.405.701.682 đồng, trong đó đã có 25.236.576.600 đồng là cổ tức nhận được trong kỳ của ELC, GIL, PDN, có 13.830.727.679 đồng là chi phí hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán của GIL, LAF, ELC. Các khoản cổ tức và chi phí hoàn nhập dự phòng này sẽ không được tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2015 do các công ty này là các công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất của SSI. Kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2015 của các công ty liên kết này sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2015 của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.


Trong quý 1.2015, Công ty đã bán khoản đầu tư tại Công ty CP Bibica - BBC và ghi nhận vào lãi hoạt động đầu tư chứng khoán nên BBC không còn là công ty liên kết của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2015, Công ty sẽ ghi nhận một khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận là 54,6 tỷ đồng, đây chính là chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào BBC tại ngày 31/12/2014.

TPHCM, ngày 20 tháng 04 năm 2015

Người Lập Biểu

  
Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

  
Hoàng Thị Minh Thủy

Phó Tổng Giám Đốc

